

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Quý IV năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
		Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện					
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	(8.045.308.435)	(7.354.988.911)	16.259.229.121	31.209.892.117
1	Cổ tức được nhận	2.342.130.200	8.191.345.400	1.066.683.700	2.822.889.740
2	Lãi trái phiếu được nhận	2.674.554.874	16.839.968.794	7.583.547.981	28.013.037.720
3	Lãi tiền gửi	1.812.526.630	2.730.687.874	546.241.210	2.921.450.648
4	Thu nhập bán chứng khoán	(14.874.520.139)	(35.116.990.979)	7.062.756.230	(2.547.485.991)
5	Thu nhập khác	-	-	-	-
II	Chi phí	2.373.509.615	10.448.931.584	2.664.325.177	10.418.721.750
1	Phí Quản lý Quỹ	2.119.160.362	8.746.332.892	2.314.559.097	8.539.612.295
2	Phí lưu ký, giám sát, quản lý tài sản Quỹ	86.885.576	352.670.895	92.582.363	326.994.503
3	Chi phí họp, đại hội	(187.758.967)	435.611.601	(84.865.910)	565.134.090
4	Chi phí Kiểm toán	298.155.000	309.568.050	274.413.150	268.488.464
5	Chi phí tư vấn, đánh giá	-	-	-	52.661.400
6	Các loại phí khác	57.067.644	604.748.146	67.636.477	665.830.998
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	(10.418.818.050)	(17.803.920.495)	13.594.903.944	20.791.170.367
B. Xác định kết quả chưa thực hiện			-	-	-
I	Thu nhập	28.039.095.957	62.878.520.013	6.365.202.307	69.100.715.165
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	28.039.095.957	62.878.520.013	6.365.202.307	69.100.715.165
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	-	-	-	-
II	Chi phí	397.373.924	63.191.221.318	23.032.480.167	32.147.376.576
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	397.373.924	63.191.221.318	23.032.480.167	32.147.376.576
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	27.641.722.033	(312.701.305)	(16.667.277.860)	36.953.338.589

Tp. HCM, Ngày 11 tháng 01 năm 2011

Công ty quản lý quỹ

KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng
Giao dịch Quản lý Quỹ

Giám đốc

Người lập biểu

LÊ THỊ HOÀNG CHÂU
Giám đốc dịch vụ khách hàng
Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

PHAN THỊ HUỲNH DAO
Giám đốc dịch vụ khách hàng
Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Lê T. Thủy Phụng

Trần T. Kiên

Henk Ruitenber

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

Quý IV năm 2010

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Prudential Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư cân bằng Prudential - PRUBF1
4. Ngày lập báo cáo: 11/01/2011

Đơn vị tính : VNĐ

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
I.1	Tiền	119.188.997.476	31.499.964.089	87.689.033.387
I.2	Các khoản Đầu tư	312.369.752.722	372.651.954.468	(60.282.201.746)
I.2.1	Trái phiếu	62.720.155.022	122.061.132.168	(59.340.977.146)
I.2.2	Cổ phiếu	249.649.597.700	250.590.822.300	(941.224.600)
I.2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	236.300.697.700	243.149.222.300	(6.848.524.600)
I.2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	13.348.900.000	7.441.600.000	5.907.300.000
I.2.3	Chứng khoán khác	-	-	-
	Quyền mua cổ phiếu	-	-	-
I.3	Cổ tức sẽ được nhận	761.509.400	136.803.500	624.705.900
I.4	Lãi sẽ được nhận	5.016.730.054	9.763.095.965	(4.746.365.911)
I.5	Tiền bán Chứng khoán phải thu	-	19.060.678.242	(19.060.678.242)
I.6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I.7	Các Tài sản khác	-	-	-
	Đặt cọc mua cổ phiếu	-	-	-
I.8	Tổng Tài sản	437.336.989.652	433.112.496.264	4.224.493.388
STT	Nợ			
II.1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	660.490.000	13.668.356.702	(13.007.866.702)
II.2	Các khoản phải trả khác	1.129.598.347	1.120.142.240	9.456.107
II.2.1	Phí quản lý	727.173.148	698.418.418	28.754.730
II.2.2	Phí lưu ký, giám sát	29.814.099	28.635.155	1.178.944
II.2.3	Phải trả phí kiểm toán	298.155.000	-	298.155.000
II.2.4	Phải trả khác	74.456.100	393.088.667	(318.632.567)
II.3	Tổng nợ	1.790.088.347	14.788.498.942	(12.998.410.595)
STT	Các chỉ tiêu khác			
III.1	Tài sản ròng của Quỹ (I.8-II.3)	435.546.901.305	418.323.997.322	17.222.903.983
III.2	Tỷ lệ tổng nợ trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ	0,41%	3,54%	-3,12%
III.3	Tổng số Đơn vị Quỹ/Chứng chỉ Quỹ	50.000.000	50.000.000	-
III.4	Giá trị tài sản ròng NAV của một Đơn vị Quỹ/Chứng chỉ Quỹ	8.711	8.366	344



PHAN THỊ HUỲNH DAO
Giám đốc dịch vụ khách hàng
Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



Henk Ruitenberg

Handwritten initials

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Quý IV năm 2010

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Prudential Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư cân bằng Prudential - PRUBF1
4. Ngày lập báo cáo: 11/01/2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	418.323.997.322	444.524.303.733
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	17.222.903.983	(26.200.306.411)
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	17.222.903.983	(26.200.306.411)
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	435.546.901.305	418.323.997.322
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	8.711	8.366



PHAN THỊ HUỲNH DAO
Giám đốc dịch vụ khách hàng
Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



Henk Ruitenberg

Handwritten mark